

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung liên quan đến lĩnh vực thủy lợi đã công bố tại Quyết định 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 01 TTHC nội bộ “Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Cục Chuyên đổi số;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, TL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Phê duyệt quy hoạch thủy lợi	Thủy lợi	- Khoản 5 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; - Luật Quy hoạch; - Điều 16 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Thủ tướng Chính phủ
2	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi	Thủy lợi	- Khoản 5 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; - Luật Quy hoạch; - Điều 17, 18, 19 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP.	(i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm	Thủ tướng Chính phủ

				<i>thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>	
3	Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch thủy lợi	Thủy lợi	- Luật Thủy lợi; - Khoản 1, 2 Điều 5; Điều 6, 7, 8 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP.	Cơ quan lập quy hoạch	Thủ tướng Chính phủ
4	Phê duyệt chiến lược thủy lợi	Thủy lợi	Khoản 3 Điều 10 Luật Thủy lợi năm 2017	Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Thủ tướng Chính phủ
5	Quyết định hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi	Thủy lợi	Điểm 1 khoản 1 Điều 31 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
6	Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy lợi	Điều 9 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP - Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023	Tổ chức khai thác công trình thủy lợi do Trung ương quản lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
1	Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi	Thủy lợi	- Điều 9 Nghị định số	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

	thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		96/2018/NĐ-CP; - Luật Giá số 16/2023/QH1 5 ngày 19/6/2023.		
--	---	--	--	--	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt quy hoạch thủy lợi

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

- Bước 2: Gửi lấy ý kiến

Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, gồm các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp phương án quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, quốc phòng, an ninh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

Việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác được thực hiện bằng hình thức đăng tải dự thảo quy hoạch trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày đăng tải hồ sơ lấy ý kiến.

- Bước 3: Trả lời ý kiến

Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Bước 4: Giải trình, tiếp thu ý kiến

Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 5: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP:

(i) Hội đồng thẩm định quy hoạch có ít nhất 11 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Phó chủ tịch hội đồng;
- Các thành viên của hội đồng bao gồm đại diện các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch, đại diện cơ quan lập quy hoạch và một số cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các chuyên gia về quy hoạch, trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện.

(ii) Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định

- Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

- Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm định;

- Thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến bằng văn bản tại các cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch hội đồng giao; được quyền bảo lưu ý kiến.

(iii) Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Bước 6. Thẩm định quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch đến Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để gửi đến các thành viên hội đồng thẩm định quy hoạch.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch các ủy viên phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp.

Trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo hội đồng thẩm định quy hoạch; hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu cơ

quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin và giải trình về các nội dung có liên quan.

- Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và 02 ủy viên phản biện.

- Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

- Bước 7. Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Bước 8. Hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp quy hoạch được hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp quy hoạch không được hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 9: Trình phê duyệt quy hoạch

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

- Bước 10: Công bố quy hoạch

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức công bố quy hoạch. Hình thức công bố quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Gửi hồ sơ lấy ý kiến, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) *Hồ sơ gửi lấy ý kiến về quy hoạch:*

- Báo cáo quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện phương án quy hoạch.

(ii) *Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch:*

- Báo cáo tóm tắt; báo cáo tổng hợp quy hoạch; hệ thống bản đồ quy hoạch.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thẩm tra của tổ chức tư vấn thẩm tra.

- Tài liệu khác (nếu có).

(iii) Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch:

- Tờ trình phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện.
- Báo cáo thẩm định quy hoạch.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến hội đồng thẩm định về nội dung quy hoạch.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện.

- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch.

d) Thời hạn giải quyết:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Hoàn thiện hồ sơ:

+ Trường hợp quy hoạch được hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Trường hợp quy hoạch không được hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Công bố, công khai quy hoạch: 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt quy hoạch thủy lợi.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ: Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

2. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi.

a) Trình tự thực hiện:

(i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:

- Bước 1: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

- Bước 2: Gửi lấy ý kiến

Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, gồm các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp phương án quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, quốc phòng, an ninh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thôn lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

Việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác được thực hiện bằng hình thức đăng tải dự thảo quy hoạch trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày đăng tải hồ sơ lấy ý kiến.

- Bước 3: Trả lời ý kiến

Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch

- Bước 4: Giải trình, tiếp thu ý kiến

Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 5: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP:

Hội đồng thẩm định quy hoạch có ít nhất 11 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Bộ Nông nghiệp Môi trường;
- Phó chủ tịch hội đồng;
- Các thành viên của hội đồng bao gồm đại diện các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch, đại diện cơ quan lập quy hoạch và một số cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các chuyên gia về quy hoạch, trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện.

Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định

- Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

- Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm định;

- Thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến bằng văn bản tại các cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch hội đồng giao; được quyền bảo lưu ý kiến.

Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Bước 6. Thẩm định quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch đến Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để gửi đến các thành viên hội đồng thẩm định quy hoạch.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch, các ủy viên phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp.

Trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo hội đồng thẩm định quy hoạch; hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin và giải trình về các nội dung có liên quan.

+ Phiên họp thẩm định quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và 02 ủy viên phản biện.

+ Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

- Bước 7. Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Bước 8. Hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp quy hoạch được hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp quy hoạch không được hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 9: Trình phê duyệt quy hoạch

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

- Bước 10: Công bố quy hoạch

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức công bố quy hoạch. Hình thức công bố quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

(ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:

- Bước 1: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Bước 2: Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Cách thức thực hiện:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Gửi hồ sơ lấy ý kiến, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:

* Hồ sơ gửi lấy ý kiến về quy hoạch:

- Báo cáo quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện phương án quy hoạch.

* Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch:

- Báo cáo tóm tắt; báo cáo tổng hợp quy hoạch; hệ thống bản đồ quy hoạch.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thẩm tra của tổ chức tư vấn thẩm tra.

* Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch:

- Tờ trình phê duyệt quy hoạch.

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện.

- Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến hội đồng thẩm định về nội dung quy hoạch.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện.

- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch.

(ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh và tài liệu khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết:

(i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Hoàn thiện hồ sơ:

+ Trường hợp quy hoạch được hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Trường hợp quy hoạch không được hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch: 15 ngày kể từ ngày quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

(ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ: Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

3. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch thủy lợi

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ lập quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ lập quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch thủy lợi.

- Bước 2: Trình thẩm định

Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 3: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch. Thời gian hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có ít nhất 09 thành viên, thành phần hội đồng gồm Chủ tịch hội đồng, Phó chủ tịch hội đồng và các thành viên của hội đồng; Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Tài chính, cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chuyên gia về quy hoạch.

- Phiên họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

- Bước 4: Hoàn thiện biên bản

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 5: Trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm:

- Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Tài liệu khác (nếu có).

(ii) Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch:

- Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Tài liệu khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

- Hoàn thiện biên bản: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan lập quy hoạch

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch thủy lợi;
- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch;
- + Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;
- + Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;
- + Thời hạn lập quy hoạch;

+ Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;

+ Chi phí lập quy hoạch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ: Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

4. Phê duyệt chiến lược thủy lợi

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, xây dựng chiến lược thủy lợi cho chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 30 năm hoặc dài hơn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Chiến lược thủy lợi được cập nhật, điều chỉnh khi có sự thay đổi về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc khi có biến động lớn do thiên tai.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

- Dự thảo chiến lược thủy lợi.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt chiến lược thủy lợi.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội về Thủy lợi.

5. Quyết định hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương bảo đảm an toàn đập

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí ngân sách trung ương cho các địa phương

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước ngày 31 tháng 3 năm trước năm kế hoạch, Tổ chức khai thác công trình thủy lợi do Trung ương quản lý xây dựng hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của năm kế hoạch trong phạm vi công trình thủy lợi được giao quản lý gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 2: Trên cơ sở phương án nhận được, trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm kế hoạch.

- Bước 3: Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Bộ Tài chính để quy định và thông báo giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác năm kế hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá;

- Hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến việc định giá, điều chỉnh giá:

Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi do cơ quan có thẩm quyền ban hành: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành và các tài liệu khác có liên quan. Trường hợp không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, thủ trưởng đơn vị chứng thực và chịu trách nhiệm.

Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi do cơ quan có thẩm quyền ban hành: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền Bảng giải trình tính toán chi tiết các khoản mục chi phí, hồ sơ chứng từ hợp lý, hợp lệ và các tài liệu khác có liên quan. Trường hợp không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, thủ trưởng đơn vị chứng thực và chịu trách nhiệm.

Trường hợp cần làm rõ các nội dung trong hồ sơ phương án giá do các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi xây dựng; cơ quan có thẩm quyền định giá đề nghị các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi báo cáo, giải trình cụ thể các nội dung liên quan.

- Văn bản thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định.

- Các tài liệu khác có liên quan.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức khai thác công trình thủy lợi do Trung ương quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đề nghị Bộ Tài chính quy định Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 Quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.